

BÁO CÁO

Thực hiện công tác công khai đối với cơ sở giáo dục năm học 2022-2023

Thực hiện Thông tư 36/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GD và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân,

Thực hiện Thông tư 90/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ tài chính, Thông tư hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Trường Tiểu học Vinh Hòa A báo cáo kết quả thực hiện công khai tại đơn vị năm học 2022-2023 cụ thể như sau:

1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế

a. Cam kết chất lượng giáo dục

Công khai cụ thể kế hoạch tuyển sinh năm học 2022-2023 thông qua hệ thống loa truyền thanh của xã, qua kế hoạch tuyển sinh niêm yết tại trường, cổng thông tin điện tử và qua thư mời nhập học gửi tới tận nhà phụ huynh có con em 6 tuổi ra lớp 1.

Công khai cụ thể việc phối hợp giáo dục giữa gia đình và nhà trường vào cuộc họp PHHS đầu năm học. Cụ thể các biện pháp phối hợp như thông qua phiếu liên lạc, điện thoại, gặp gỡ trực tiếp giữa giáo viên và phụ huynh, nhà trường và phụ huynh.

Thông báo các điều kiện cơ sở vật chất, tình hình đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên, phương pháp quản lý giáo dục học sinh của nhà trường trong năm học mới thông qua đại hội PHHS lớp, trường đầu năm học.

b) Chất lượng giáo dục thực tế

Thông báo kết quả chất lượng giáo dục của lớp, của trường trong năm học 2022-2023, thông qua cuộc họp PHHS cuối năm học, và đầu năm học 2023-2024, niêm yết báo cáo tại văn phòng nhà trường, bảng tin khu vực cổng trường và trên cổng thông tin điện tử của trường.

c) Công khai kết quả phấn đấu trường đạt chuẩn quốc gia

Tự đánh giá đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 và chuẩn quốc gia mức độ 1 theo thông tư 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018. Thông tư ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học.

Nội dung này được công khai thông qua họp PHHS lớp; báo cáo gửi cấp trên; niêm yết công khai.

2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng cơ sở giáo dục

Cơ sở vật chất: số lượng, diện tích các loại phòng học, phòng chức năng, phòng nghỉ cho học sinh bán trú, tính bình quân trên một học sinh; số thiết bị dạy học đang sử dụng.

Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên. Về số lượng, chất lượng.

Tất cả các nội dung trên được thông báo cụ thể thông qua cuộc họp HĐSP, họp PHHS đầu năm, niêm yết công khai tại văn phòng, tại bảng tin khu vực cổng trường, cổng thông tin điện tử của trường.

3. Công khai thu chi tài chính

a) Thu chi trong ngân sách năm 2022

STT	Nội dung	Dự toán được giao	Dự toán đã sử dụng	Dự toán còn lại
1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	5.917.364.646	5.763.997.006	153.367.640
	Tiền lương, phụ cấp, bảo hiểm		5.173.008.759	
	Phúc lợi tập thể		2.013.000	
	Thanh toán dịch vụ công cộng, thông tin liên lạc		75.100.379	
	Sửa chữa, vật tư văn phòng, hoạt động chuyên môn		444.459.677	
	Công tác phí		4.587.000	
	Chi khác		64.828.191	
2	Kinh phí thực hiện chế độ không tự chủ	2.599.399.000	1.134.433.799	1.464.965.201
	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân, phụ cấp lương		785.738.799	
	Mua sắm công cụ dụng cụ văn phòng		9.000.000	
	Sửa chữa, duy tu nhà cửa		97.484.000	
	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành		88.700.000	
	Chi dịch Covid		35.486.000	
	Chi khác (tết, lễ 20/11, hỗ trợ chi phí học tập, xa nhà)		118.025.000	
3	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	1.012.392.989	1.012.392.989	0
	Tổng cộng	9.529.156.635	7.910.823.794	1.618.332.841

b) Thu hộ chi hộ

STT	Loại quỹ	Thu	Chi	Tồn	Ghi chú
1	Ga- vệ sinh phí	117.327.800	110.623.200	6.704.600	Trả lại phụ huynh
2	Công nấu ăn	93.557.500	93.557.500	0	
3	Công bảo mẫu	93.557.500	93.557.500	0	
4	Quản lý bán trú	37.423.000	37.423.000	0	
5	Thực phẩm ăn bán trú	898.152.000	898.152.000	0	
6	Phụ thu dụng cụ bán trú	51.700.000	41.202.704	10.497.296	Trả lại phụ huynh
7	Kinh phí xin thu phục vụ lại học sinh (BHYT)	439.029.990	439.029.990	0	

8	Tiền 2 buổi/ngày	231.780.000	231.780.000		
9	CSSKBD	79.790.577	79.790.577	63.994.577	Năm trước sang

4. Dự thảo các khoản thu – chi năm 2023

a) Thu chi trong ngân sách

STT	Nội dung	Dự toán được giao	Dự toán đã sử dụng	Dự toán còn lại
1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	7.796.953.000	5.779.729.365	2.017.223.635
	Tiền lương, phụ cấp, bảo hiểm		5.309.910.904	
	Phúc lợi tập thể		2.701.600	
	Mua sắm vật tư văn phòng		21.224.250	
	Mua sắm vật tư dùng cho chuyên môn		24.222.000	
	Khen thưởng		45.000.000	
	Thanh toán dịch vụ công cộng, thông tin liên lạc		61.974.768	
	Sửa chữa, vật tư văn phòng, hoạt động chuyên môn		61.264.140	
	Công tác phí		17.420.500	
	Chi khác		236.011.203	
2	Kinh phí thực hiện chế độ không tự chủ	1.523.713.000	699.317.003	824.395.997
	Chi thừa giờ, GV dạy ngoài trời		528.258.223	
	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân		46.308.780	
	Chi khác (tết, hỗ trợ chi phí học tập)		124.750.000	
	Tổng cộng	7.395.082.640	5.374.364.843	2.020.717.797

b. Kinh phí bảo hiểm y tế.

Thực hiện công văn số 01/HD-GDDĐT-LĐT BXH-BHXH ngày 02 tháng 08 năm 2023 về việc hướng dẫn liên ngành thực hiện BHYT học sinh, sinh viên năm học 2023 – 2024

a) Dự thu:

Khối 1: 850.500 đồng/HS/15 tháng

- Khối 2, 3, 4, 5: 680.400 đồng/HS/12 tháng

Tổng thu toàn trường dự kiến thu: 484.161.300đ

Nộp Bảo hiểm y tế: 484.161.300đ

Được trích lại chăm sóc sức khỏe ban đầu (dự kiến): 33.891.291đ

Hỗ trợ người thu: 9.683.226 đ. (Chi trả cho những cá nhân tham gia làm hồ sơ quyết toán với bảo hiểm xã hội).

Căn cứ vào sổ thẻ BHYT đã phát hành cho học sinh, kinh phí chi chăm sóc sức khỏe ban đầu bằng 5% tổng thu quỹ BHYT tính trên tổng số học sinh đóng thực tế đang theo học tại nhà trường.

c. Kinh phí học buổi 2.

Thực hiện theo Nghị quyết 01/2023/NQ-HĐND ngày 19 tháng 05 năm 2023 của HĐND tỉnh Bình Dương

Chế độ miễn giảm thực hiện theo khoản 6 điều 1 của NQ 01/2023/NQ-HĐND của HĐND tỉnh.

Thu theo sự thỏa thuận đóng góp của Phụ huynh học sinh. 4.000đ/tiết/tháng/năm học (đối với lớp 1-5).

a) Dự thu:

Dự kiến thu 747 học sinh x 4.000đ/tiết x tổng số tiết của từng khối.

Thu theo tháng thực tế học tập trung.

b) Dự chi:

- Chi giáo viên trực tiếp dạy lớp buổi 2: 80% tổng thu/ lớp.

- Chi hỗ trợ cơ sở vật chất: 10%/tổng thu/ toàn trường (sửa chữa cơ sở vật chất, vật tư chuyên môn phục vụ học sinh, văn phòng phẩm phục vụ trực tiếp cho học sinh...).

- Chi quản lý/ tổng thu toàn trường: 10 % tổng thu. (Hiệu trưởng 1.7%, Phó hiệu trưởng 1.7%, kế toán 1.5%, thủ quỹ 1.5%, (bảo vệ 1% phục vụ 0,9%).

Nội dung này nhà trường thu và chi theo sự thỏa thuận của phụ huynh và quyết toán với cấp trên.

d Kinh phí tổ chức bán trú

Thu:

Thu tiền ăn bán trú 27.000 đ/ngày (Bữa trưa: 21.000đ; bữa xế: 6.000đ). Học sinh nghỉ ăn bán trú nếu cắt cơm trước 01 ngày sẽ được trả lại 27.000đ/ngày.

Phục vụ bán trú: 145.000 đồng/tháng

Các khoản thu khác thực hiện theo Nghị quyết 01/2023/NQ-HĐND ngày 19 tháng 05 năm 2023 của HĐND tỉnh Bình Dương và thống nhất theo thỏa thuận cùng phụ huynh theo mức thu 145.000 đồng/học sinh/tháng. Nếu học sinh nghỉ ăn bán trú từ $\frac{1}{2}$ số ngày trong tháng liên tục trở lên thì được trả lại $\frac{1}{2}$ số tiền (72.500 đ), còn ít hơn $\frac{1}{2}$ số ngày và nghỉ không liên tục nhà trường sẽ không trả lại tiền.

Các khoản chi sửa chữa nhà bếp, mua bổ sung dụng cụ nhà bếp, tiền điện, nước nhà bếp, xà bông, vật dụng khác... dùng cho nhà bếp nhà trường chi trong tiền ngân sách nhà nước.

Các khoản chi trên là dự chi trong một tháng, tuy nhiên tùy theo tình hình thực tế chi, nhà trường sẽ có điều chỉnh để đảm bảo số tiền đã thu 145.000/tháng.

Chi:

-Công cấp dưỡng:

+ Bếp trưởng: 5.970.510 đồng/tháng (đã bao gồm BHXH, BHYT, BHTN 1.572.480 đồng/tháng)/1 người.

+ Nhân viên nấu: 5.686.200 đồng/tháng (đã bao gồm BHXH, BHYT, BHTN 1.497.600 đồng/tháng)/ 4 người.

-Công bảo mẫu: 35.000 đồng/học sinh/tháng/ tổng số xuất ăn của từng lớp cho từng giáo viên. (Theo danh sách từng lớp).

– **Tiền gas, vật liệu vệ sinh (nước rửa chén, nước tẩy rửa bếp; bùi nhùi rửa chén, chà nồi; bịch ninong đựng sữa; bao tay rửa chén; bao tay chia thực phẩm; khẩu trang):** Sau khi trừ đi tiền cấp dưỡng, bảo mẫu sẽ chi tiền gas và vật liệu vệ sinh theo hóa đơn thực tế hàng tháng.

– **Công quản lý:** Sau khi trừ đi tiền cấp dưỡng, bảo mẫu, gas, vật liệu vệ sinh sẽ chi tiền quản lý. Chi trên tổng số xuất ăn của toàn trường cho các cá nhân, cụ thể: (Hiệu trưởng 14%, Phó Hiệu trưởng 14%/người; y tế - thủ quỹ 15%, kế toán 15%, bảo vệ 14% (2 người), phục vụ 14% (2 người).

c.Vệ sinh trường lớp.

Căn cứ Nghị Quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 19 tháng 05 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Tỉnh Bình Dương về việc quy định các khoản thu và mức thu các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

Nhà trường thuê 01 người nhân viên phục vụ thực hiện những công việc sau: Cắt tỉa, chăm sóc cây kiểng trong khuôn viên trường. Quét xung quanh trường (đường phòng cháy) quét, dọn vệ sinh khu sân bóng, khu vui chơi, sau nhà ăn và các khu vực khác khi được phân công.

Chi trả từ nguồn phụ huynh đóng góp 9 tháng học, còn 03 tháng nghỉ hè nhà trường sẽ thuê từ nguồn ngân sách nhà nước.

5.Thông qua quy chế chi tiêu nội bộ Từ nguồn kinh phí ngân sách Nhà nước năm học 2023 (có bản đính kèm). Đã thống nhất từ tháng 01/2023 và tiếp tục thực hiện, không có điều chỉnh, bổ sung.

ĐÁNH GIÁ CHUNG

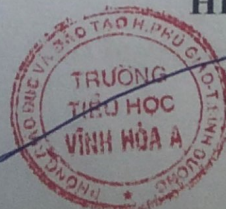
Nhà trường thực hiện đầy đủ các nội dung về công khai theo quy định. Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên, phụ huynh nhất trí cao.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục năm học 2023-2024 của Trường tiểu học Vĩnh Hòa A./.

Nơi nhận:

-Phòng GDĐT;
-UBND xã;
-Lưu:VT.

HIỆU TRƯỞNG



Hoàng Mai Nguyễn